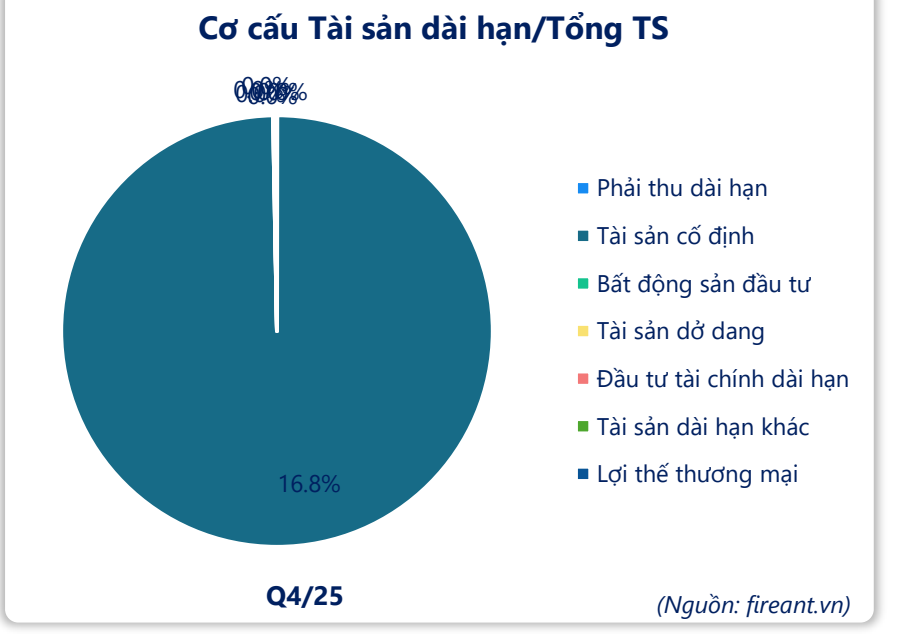
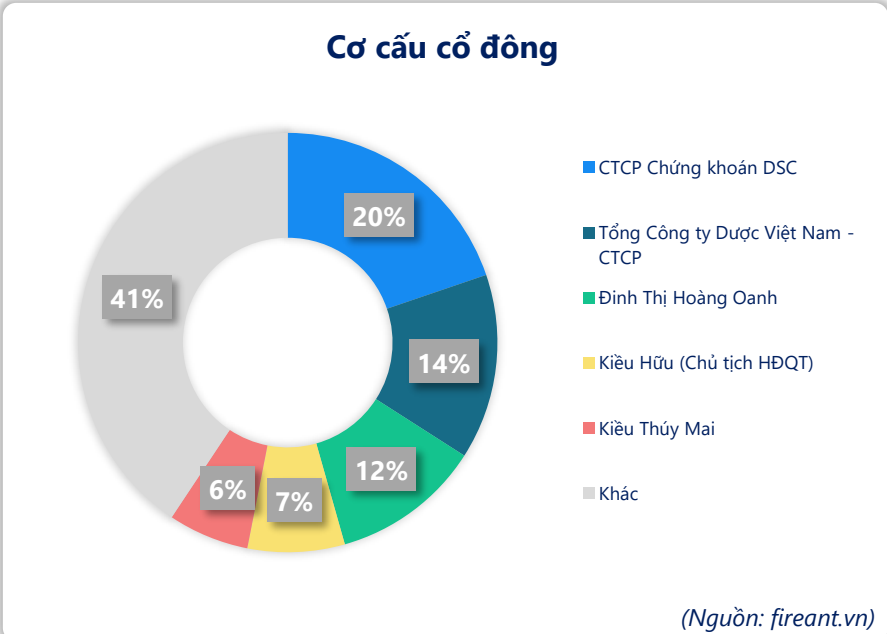
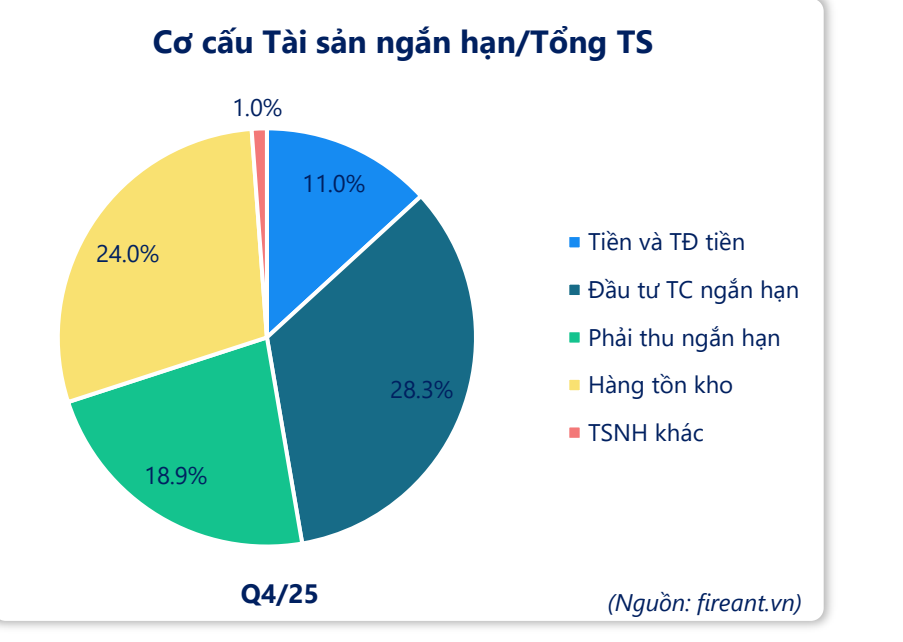
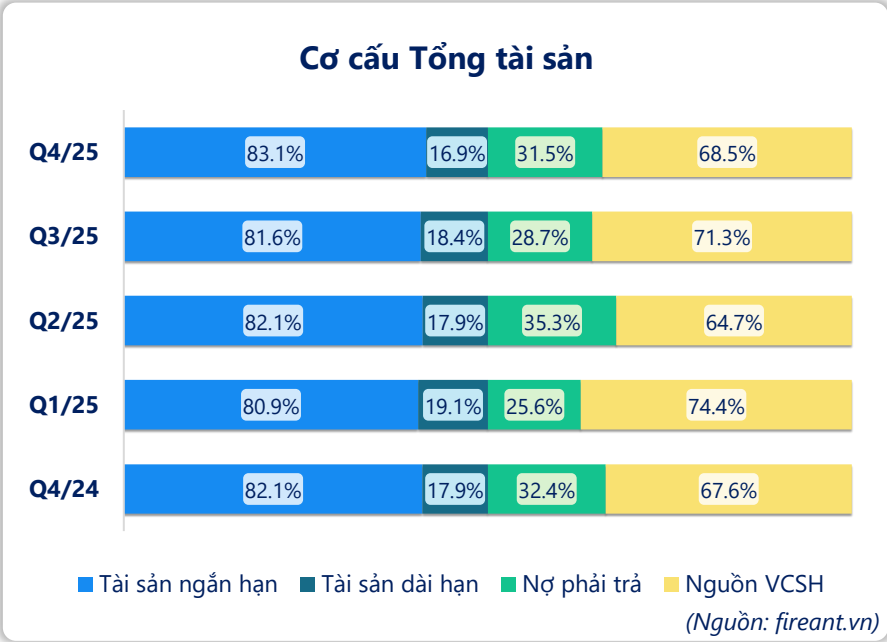
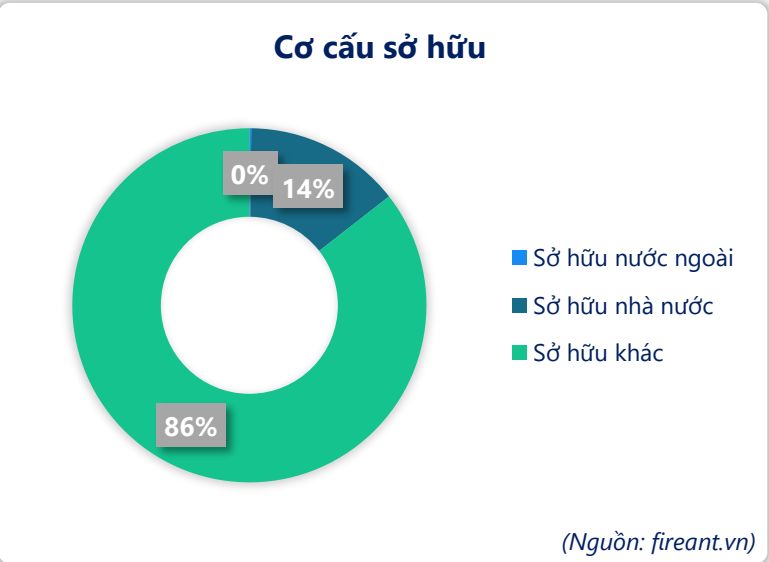
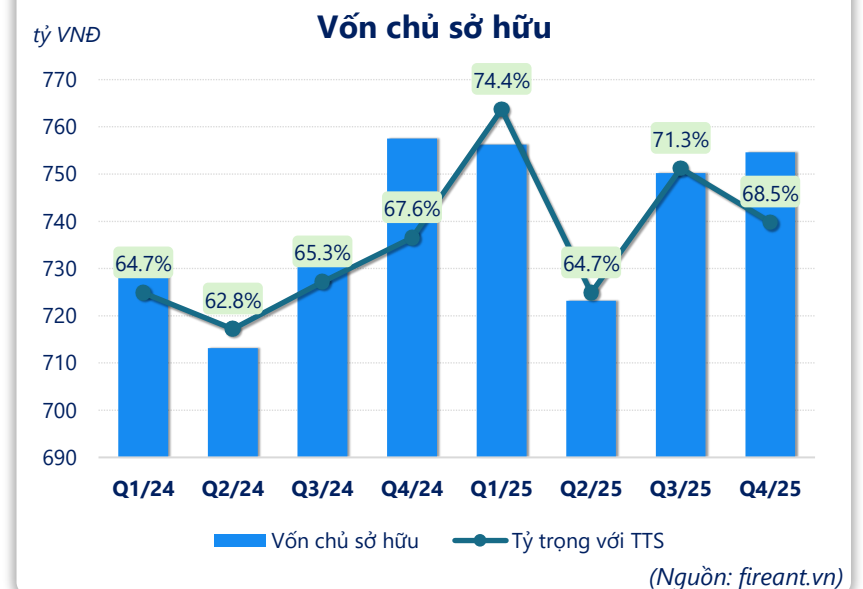
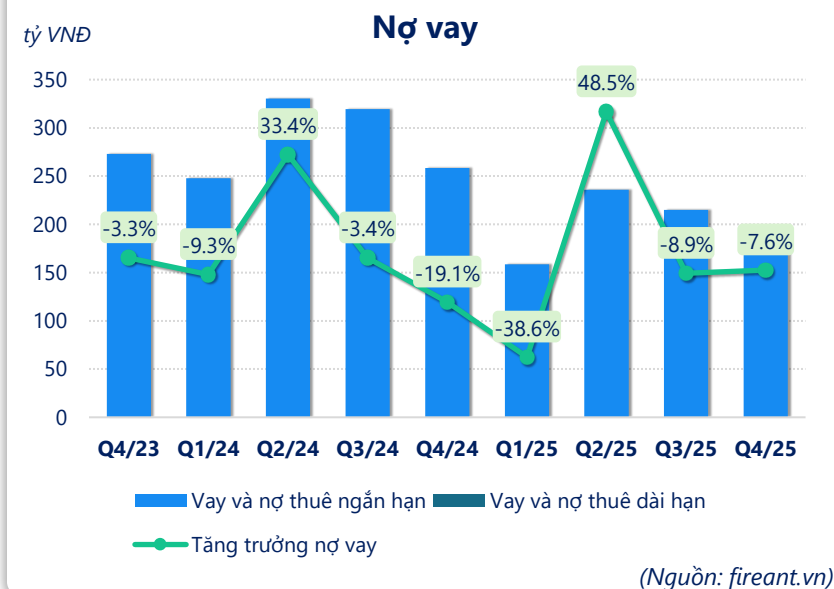
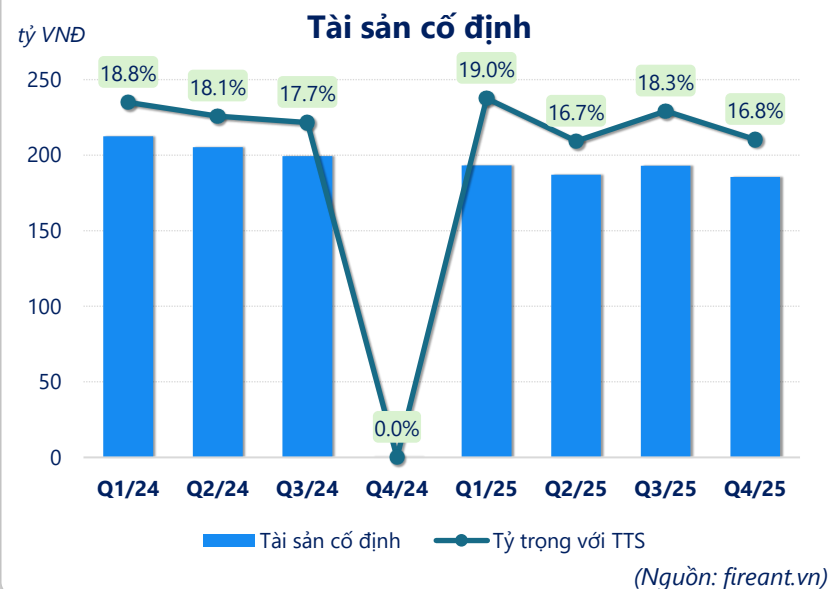
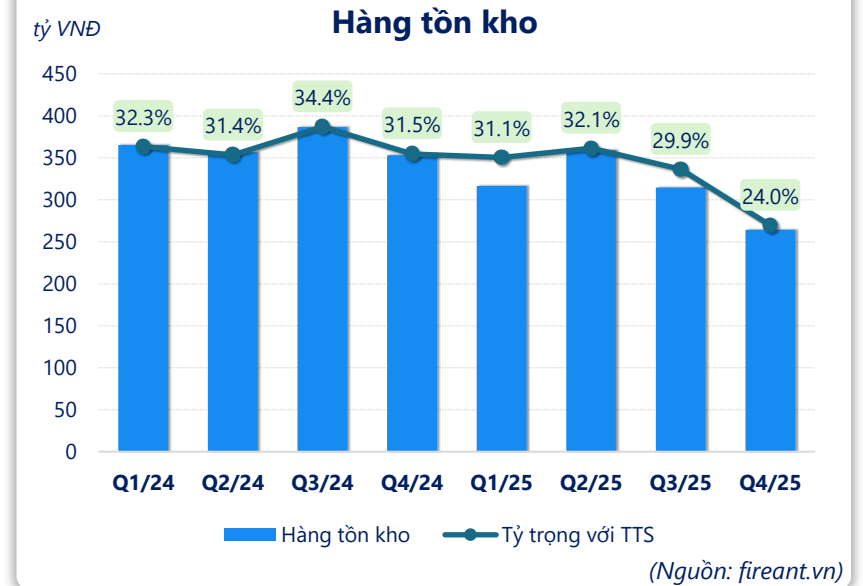
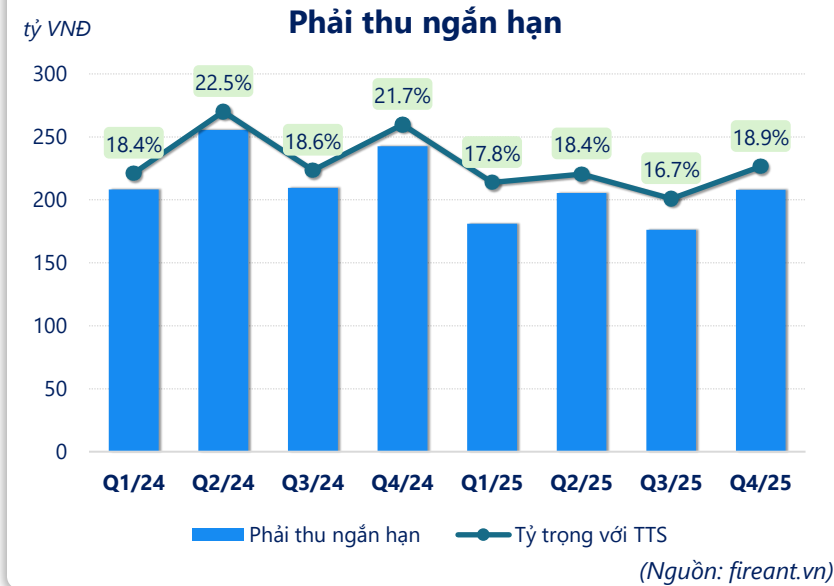
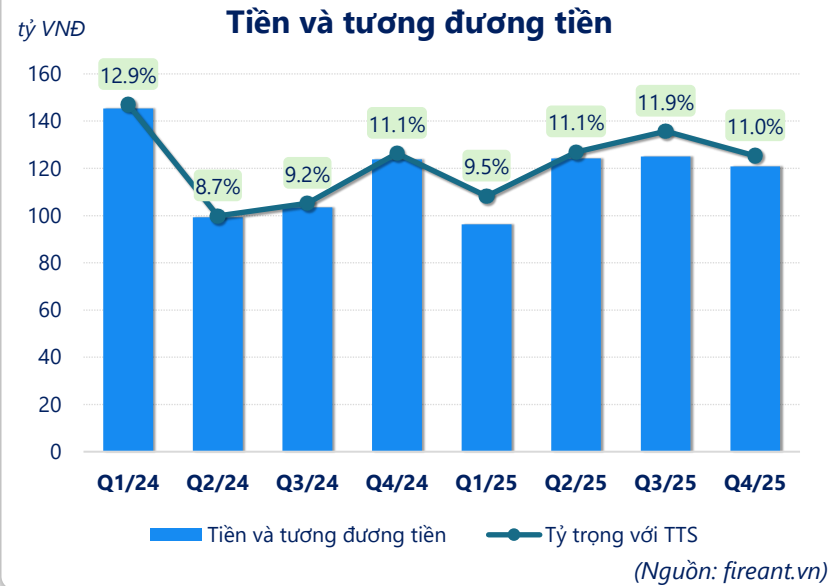
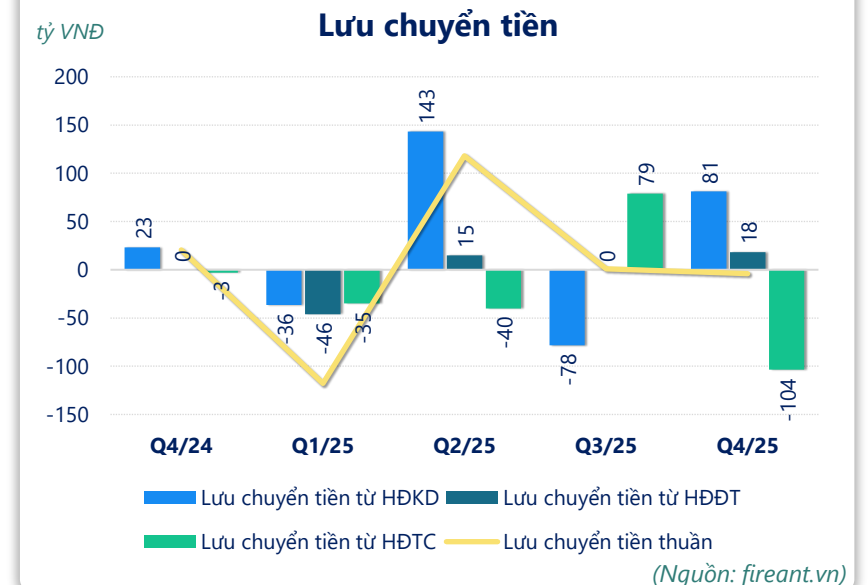
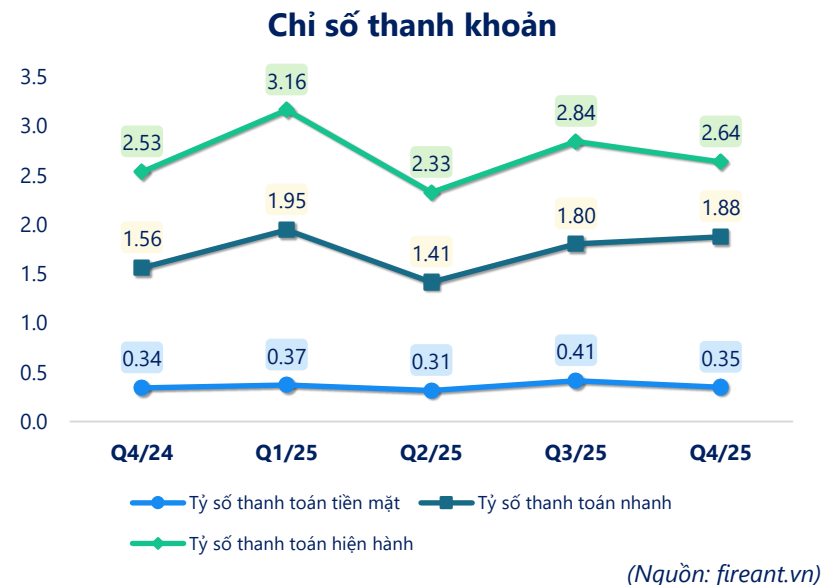
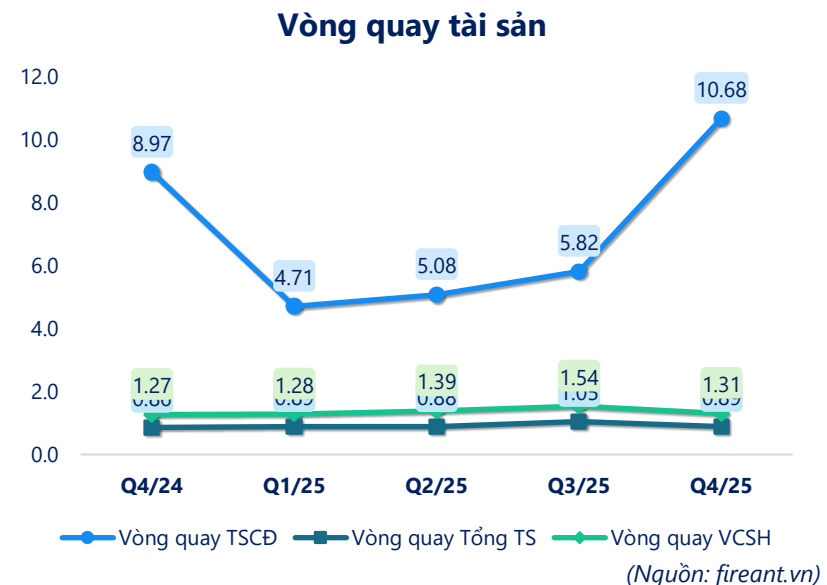
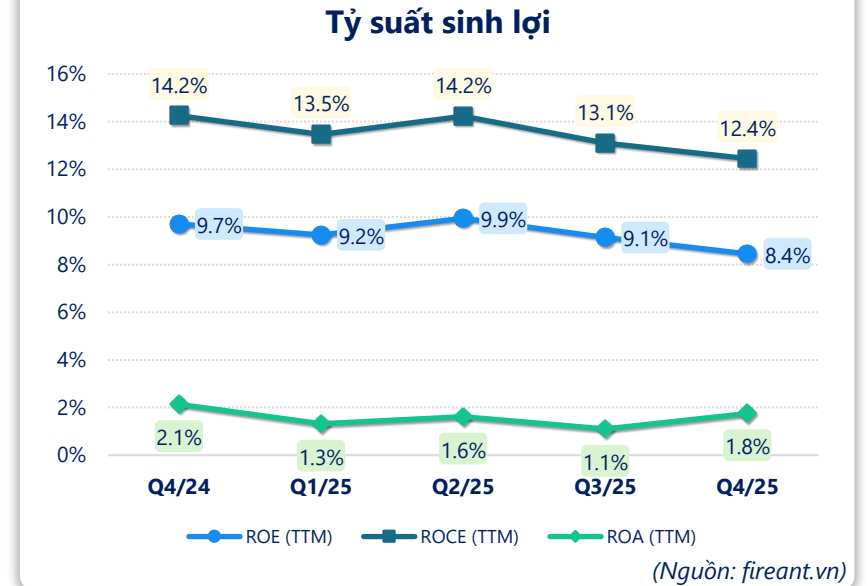
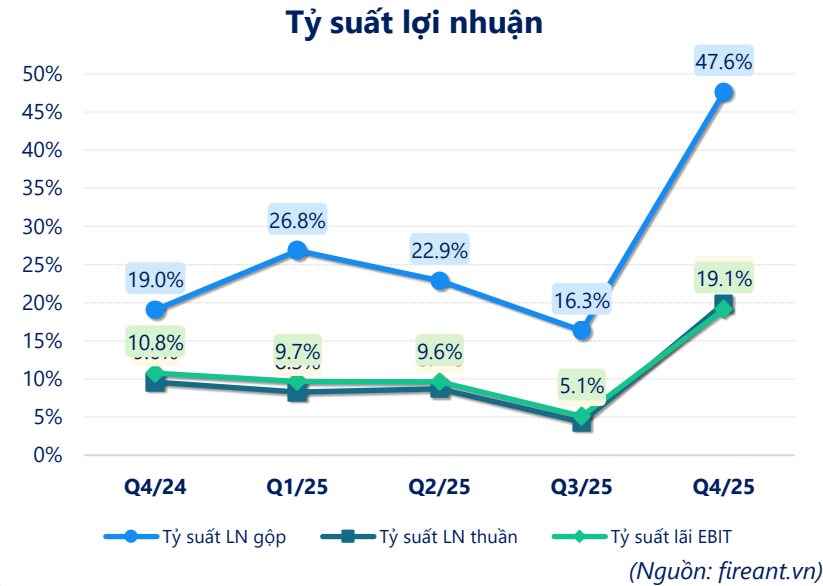
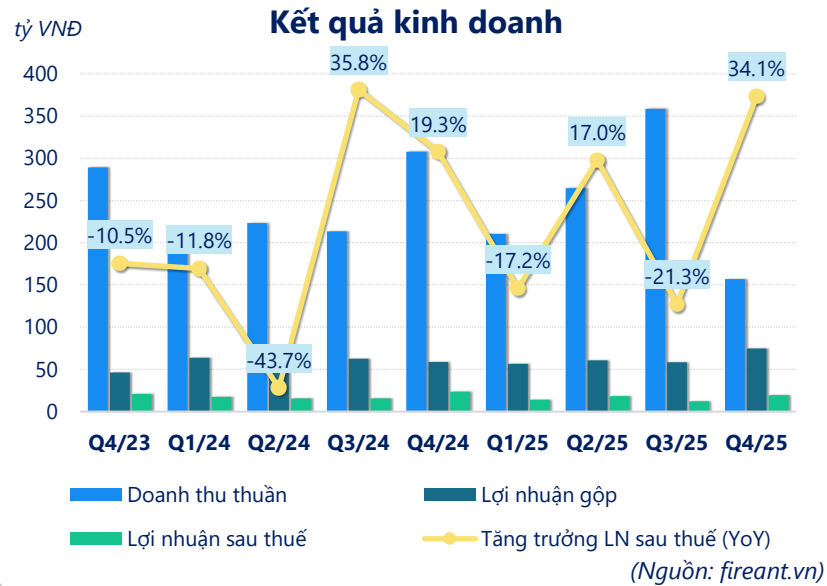


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		58,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		58,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		32,116
SL cổ phiếu LH		22,083,392
KLGD BQ 20 phiên (CP)		26,090
% sở hữu nước ngoài		0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		1,281
P/E		20.0
EPS		2,893

	YTD	1T	3T	6T
VDP	72.9%	16.0%	18.9%	55.9%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,102	1,126	-2.1%
Tài sản ngắn hạn	916	922	-0.7%
Tiền và tương đương tiền	121	124	-2.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	312	193	62.1%
Phải thu ngắn hạn	208	256	-18.8%
Hàng tồn kho	264	346	-23.8%
Tài sản ngắn hạn khác	10.7	3.06	250%
Tài sản dài hạn	186	204	-8.6%
Phải thu dài hạn	0.04	0.42	-91.6%
Tài sản cố định	185	195	-4.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.09	0.11	-20.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	0.46	8.37	-94.6%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	348	374	-7.1%
Nợ ngắn hạn	348	374	-7.1%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	198	258	-23.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	98.4	50.7	93.9%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	755	752	0.4%
Vốn chủ sở hữu	755	752	0.4%
Vốn điều lệ	221	221	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	308	210	265	359	157
Giá vốn hàng bán	249	154	204	300	82.2
Lợi nhuận gộp	58.6	56.4	60.6	58.6	74.7
Doanh thu HĐTC	10.9	0.66	4.47	5.87	5.01
Chi phí TC	3.99	3.62	3.40	4.16	2.36
Chi phí lãi vay	3.64	2.49	2.49	3.14	2.34
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	5.11	23.0	25.3	28.9	11.9
Chi phí QLDN	31.0	13.0	13.3	15.8	34.3
LN thuần từ HĐKD	29.4	17.4	23.1	15.6	31.2
Lợi nhuận khác	0.08	0.38	-0.08	-0.45	-3.51
LN trước thuế	29.5	17.8	23.0	15.2	27.7
Lợi nhuận sau thuế	23.4	14.1	18.2	12.0	19.5
LNST của CĐ cty mẹ	23.4	14.1	18.2	12.0	19.5

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	23.3	-36.4	143	-78.4	81.3
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0	-46.3	14.8	0.41	18.3
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-2.95	-35.0	-40.1	78.8	-104
Tiền đầu kỳ	103	214	96.2	124	125
Lưu chuyển tiền thuần	20.4	-118	118	0.82	-4.08
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0.04	-0.04	0
Tiền cuối kỳ	124	96.2	124	125	121

(Nguồn: fireant.vn)